

Bản án số: 71/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 31/5/2022.

Về việc: “Không công nhận quan hệ
vợ chồng và giải quyết nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn An**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Thái

2. Bà Phạm Hồng Gái

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Đặng Thanh Sang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa:* Không.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 186/2022/TLST – HNGĐ, ngày 06 tháng 5 năm 2022 về việc: “*Không công nhận quan hệ vợ chồng và giải quyết việc nuôi con*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1973.

HKTT: Khóm 1, phường 9, thành phố TV, tỉnh TV.

Chỗ ở hiện nay: ấp Đập Đá, xã Mỹ Phước, huyện HĐ, tỉnh KG.

2/ Bị đơn: Ông **Tô Hồng K**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp Đập Đá, xã Mỹ Phước, huyện HĐ, tỉnh KG.

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị H bày như sau:*

- Về hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu và yêu th nhau thì bà Lê Thị H và ông Tô Hồng K chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1997, nhưng không thực hiện thủ

tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu ông bà chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tính, thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, mặc dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành nên bà và ông K đã ly thân với nhau từ đầu năm 2012 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Lê Thị H yêu cầu tòa án tuyên bố không công nhận mối quan hệ giữa bà với ông Tô Hồng K là vợ chồng.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà Lê Thị H và ông Lê Hồng K có 02 người con chung tên Tô Văn Sở, sinh năm 1998 (đã trưởng thành) và Tô Văn Vương, sinh năm 2005 hiện đang ở cùng với ông K. Do con chung tên Tô Văn Sở đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên bà Lê Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng con chung tên Tô Văn Vương bà H đồng ý giao cho ông K nuôi dưỡng và bà không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác nhận quá trình chung sống bà và ông K không có tài sản chung và cũng không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Ngoài ra bà H không trình bày gì thêm.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Tô Hồng K trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Ông Tô Văn K và bà Lê Thị H chung sống với nhau vào năm 1997 nhưng ông bà không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn với nhau theo quy định của pháp luật là đúng. Quá trình chung sống giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Do không thể hàn gắn được nên ông và bà H đã ly thân với nhau từ đầu năm 2012 cho đến nay, ông bà hiện không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay bà H yêu cầu yêu cầu Tòa án tuyên bố bà với ông K không phải là vợ chồng thì ông cũng đồng ý.

- Về con chung: Quá trình chung sống ông Tô Hồng K và bà Lê Thị H có 02 người con chung tên Tô Văn Sở, sinh năm 1998 (đã trưởng thành) và Tô Văn Vương, sinh năm 2005 hiện đang ở cùng với ông K. Do con chung tên Tô Văn Sở đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng con chung tên Tô Văn Vương chưa trưởng thành phía bà H đồng ý giao cháu Vương cho ông tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, bà H phải cấp dưỡng nuôi con chung thì ông cũng đồng ý.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông K xác nhận quá trình chung sống bà H và ông K không có tài sản chung và cũng không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Ngoài ra ông K không trình bày gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Lê Thị H yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Lê Thị H với ông Tô Hồng K là vợ chồng. Bị đơn ông Tô Văn K cư trú trên địa bàn huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ông K cư trú tại huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho bà Lê Thị H và ông Tô Hồng K. Tuy nhiên, bà Lê Thị H và ông Tô Hồng K đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị H và ông Tô Hồng K tại phiên tòa.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Tô Hồng K đều trình bày sau thời gian tìm hiểu, yêu tH nhau thì bà H và ông K sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1997 nhưng ông bà không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn với nhau và chưa được cơ quan có thẩm quyền nào cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định.

Xét thấy bà Lê Thị H và ông Tô Hồng K chung sống với nhau từ năm 1997. Mặc dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị H và ông Tô Hồng K là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Bà Lê Thị H và ông Tô Hồng K xác nhận quá trình chung sống ông bà có 02 người con chung tên Tô Văn Sở, sinh năm 1998 (đã trưởng thành) và Tô Văn Vương, sinh năm 2005 hiện đang ở cùng với ông K. Do con chung tên Tô Văn Sở đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên bà H và ông K đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Riêng con chung tên Tô Văn Vương chưa trưởng thành nên ông K yêu cầu được tiếp tục nuôi

dưỡng. Xét yêu cầu nuôi con của ông K, Hội đồng xét thấy bà H và ông K đã thỏa thuận được việc nuôi cháu Vương và phù hợp với nguyện vọng của cháu Vương nên cần ghi nhận giao cháu Vương cho ông K tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con ông Tô Hồng K không yêu cầu bà Lê Thị H phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Lê Thị H và ông Tô Hồng K xác định không có tài sản chung, không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] *Về án phí hôn nhân và gia đình:* Bà Lê Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 85, Điều 89, Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 14, Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:**

1/. Về hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị H và ông Tô Văn K là vợ chồng.

2/. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà H và ông K. Giao cháu Tô Văn Vương, sinh năm 2005 cho ông Tô Hồng K tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà Lê Thị H có quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

3/. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Phía ông K không yêu cầu xem xét giải quyết nên miễn xét.

4/. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị H và ông Tô Văn K xác nhận không có tài sản chung, không có nợ ai không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên miễn xét.

4/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007846 ngày 04/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó bà Lê Thị H đã nộp đủ án phí.

5/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Đương sự; UBND xã;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn An